

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 708/2024/KDTM-ST

Ngày: 25/7/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Đông Xuân

Ông Nguyễn Văn Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-KDTM ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: 130 Đường E, Phường R, quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc Hà, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2022) (Có mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty CP W

Địa chỉ: 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Quốc T, là đại diện theo pháp luật (Có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trương Quốc T (Có mặt) và bà Nguyễn Thị Bích T (Vắng mặt)

Địa chỉ: 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH MTV U

Địa chỉ: 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV U: Ông Phạm Duy S, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024) (Có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:*

Công ty CP W có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Quận X (sau đây viết tắt là D), chi tiết như sau:

1. Tổng số tiền vay: 5.293.000.000 đồng, chi tiết bao gồm những khoản như sau:

*\* Khoản cấp tín dụng 1:*

- Hợp đồng vay số: H.3404/1
- Số tiền vay: 1.433.000.000 đồng
- Lãi suất: 12,5%/năm
- Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 05/7/2013 đến ngày 04/01/2014)  
Được gia hạn đến ngày 22/01/2015
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa cho Công ty TNHH Hải Phi

*\* Khoản cấp tín dụng 2:*

- Hợp đồng vay số: H.3901/1
- Số tiền vay: 1.100.000.000 đồng
- Lãi suất: 9%/năm
- Thời hạn vay: 01 tháng (từ ngày 10/10/2014 đến ngày 10/11/2014)
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa cho Công ty TNHH Hải Phi

*\* Khoản cấp tín dụng 3:*

- Hợp đồng vay số: H.3902/1
- Số tiền vay: 2.760.000.000 đồng
- Lãi suất: 10,5%/năm
- Thời hạn vay: 06 tháng (từ ngày 13/10/2014 đến ngày 11/4/2015)
- Mục đích vay: Tài trợ nhập khẩu hàng hóa phương thức T/T cho các Hợp đồng ngoại thương cho Công ty Audiocodes Ltd

| Stt | Hợp đồng                 | Tài sản Bảo đảm                                                    | Hồ sơ pháp lý tài sản                                                                                                       |
|-----|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Hợp đồng vay số H.3404/1 | - Bất động sản tại 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh | - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh |

|    |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                             |
|----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Hợp đồng vay số H.3901/1 | - Bất động sản tại 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh                                                                                                 |
| 33 | Hợp đồng vay số H.3902/1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bất động sản tại 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh</li> <li>- Hàng hóa hữu hình: Thiết bị chuyên dụng ngành viễn thông, điện thoại Voip. Hàng hóa để tại kho Ngân hàng Đông Á, địa chỉ: C14/19 Đường A, xã S, Huyện F</li> <li>- Hàng hóa vô hình: phần mềm, Licenses. Bản lưu tại Ngân hàng Đông Á-CN Quận X</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh</li> <li>- Tờ khai hàng hóa, Packing list,...</li> </ul> |

Trong quá trình vay, từ ngày 11/6/2020 đến ngày 12/6/2024, Công ty CP W chỉ trả được tổng số tiền như sau:

*\* Khoản cấp tín dụng 1:* Hợp đồng vay số H.3404/1

- Vốn: 633.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 144.807.639 đồng
- Lãi quá hạn: 162.681.514 đồng
- Tổng cộng: 940.489.153 đồng

*\* Khoản cấp tín dụng 2:* Hợp đồng vay số H.3901/1

- Vốn: 18.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 8.525.000 đồng
- Lãi quá hạn: 0 đồng
- Tổng cộng: 26.525.000 đồng

*\* Khoản cấp tín dụng 3:* Hợp đồng vay số H.3902/1

- Vốn: 0 đồng
- Lãi trong hạn: 49.105.000 đồng
- Lãi quá hạn: 0 đồng
- Tổng cộng: 49.105.000 đồng

Do Công ty CP W vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 11/11/2014, D đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/7/2024, Công ty CP W

còn nợ các khoản sau:

- Vốn: 4.642.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 198.455.764 đồng
- Lãi quá hạn: 6.796.443.336 đồng
- Tổng cộng: 11.636.899.100 đồng

| Stt              | HĐ       | Ngày vay   | Dư nợ                | Lãi trong hạn      | Lãi quá hạn          | Tổng                  |
|------------------|----------|------------|----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| 1                | H.3404/1 | 05/7/2013  | 800.000.000          | 102.660.764        | 1.283.985.152        | 2.186.645.916         |
| 2                | H.3901/1 | 10/10/2014 | 1.082.000.000        | 0                  | 1.415.410.684        | 2.497.410.684         |
| 3                | H.3902/1 | 13/10/2014 | 2.760.000.000        | 95.795.000         | 4.097.047.500        | 6.952.842.500         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |          |            | <b>4.642.000.000</b> | <b>198.455.764</b> | <b>6.796.443.336</b> | <b>11.636.899.100</b> |

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận giải quyết đối với bị đơn các vấn đề sau:

**1.** Buộc Công ty CP W phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng số tiền là 11.636.899.100 đồng.

Buộc Công ty CP W tiếp tục thanh toán cho D tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng vay số H.3404/1, Hợp đồng vay số H.3901/1, Hợp đồng vay số H.3902/1 và các Phụ lục hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

**2.** Trường hợp Công ty CP W không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Q có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi và xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở thuộc sở hữu của Ông Trương Quốc T theo Giấy chứng nhận số 1319/2008/UB.GCN của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 24/3/2008 và hàng hóa là thiết bị chuyên dụng ngành viễn thông, điện thoại Voip cùng với phần mềm, Licenses lưu tại kho Ngân hàng TMCP Q theo các hợp đồng thế chấp và hợp đồng cầm cố để thu hồi nợ.

*Đại diện hợp pháp của Công ty CP W, Ông Trương Quốc T trình bày:* Ông xác nhận Công ty CP W còn nợ số D số tiền như trên, vì hiện nay Công ty không còn hoạt động nên mất khả năng chi trả. Ông đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố của Công ty và tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh của ông để trả nợ cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Bích T nhiều lần nhưng bà đều vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bà Thảo theo quy định.

*Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV U, ông Phạm Duy S trình bày:* Công ty TNHH MTV U hiện đang đặt trụ sở tại 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh. Công ty không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q và yêu cầu gì khác. Trường hợp Ngân hàng TMCP Q có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là căn nhà thì Công ty sẽ giao nhà cho Ông Trương Quốc T để xử lý thi hành án theo quy định pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty CP W có nơi cư trú cuối cùng tại quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV U có đơn xin vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các Hợp đồng vay số H.3404/1, Hợp đồng vay số H.3901/1, Hợp đồng vay số H.3902/1 và các Phụ lục hợp đồng số H.3404/1-PL01, Phụ lục hợp đồng số H.3404/1-PL02, Phụ lục hợp đồng số H.3404/1-PL03 thể hiện Ngân hàng TMCP Q đã cho Công ty CP W vay số tiền 5.293.000.000 đồng.

Việc Công ty CP W vi phạm nghĩa trả nợ, nên Ngân hàng TMCP Q đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện buộc Công ty CP W phải trả số tiền vốn: 4.642.000.000 đồng; lãi trong hạn: 198.455.764 đồng; lãi quá hạn: 6.796.443.336 đồng, tổng cộng: 11.636.899.100 đồng là phù hợp với Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, do đó yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Tại Điều 3 và Điều 6 của các Hợp đồng cấp tín dụng số có quy định về biện pháp bảo đảm nợ vay và thu hồi nợ là tài sản thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 0771/HĐTC ngày 28/10/2011 và Hợp đồng cầm cố động sản số 1914/CC ngày 13/10/2014. Theo đó, Ông Trương Quốc T và bà Nguyễn Thị Bích T dùng Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận số 1319/2008/UB.GCN của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 24/3/2008) và hàng hóa là thiết bị chuyên dụng ngành viễn thông, điện thoại Voip cùng với phần mềm, Licenses của Công ty CP W lưu tại kho Ngân hàng TMCP Q để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty CP W tại các Hợp đồng tín dụng ký giữa 02 bên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí khác nếu có).

Căn cứ vào Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015, trong trường hợp Công ty CP W không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì D được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là căn nhà số 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh và tài sản cầm cố là hàng hóa là thiết bị chuyên dụng ngành viễn thông, điện thoại Voip cùng với phần mềm, Licenses để thu hồi nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV U đồng ý dọn ra khỏi căn nhà 72/10 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh trong trường hợp Ngân hàng TMCP Q xử lý tài sản thế chấp

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 11.636.899.100 đồng, được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Công ty CP W phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4] Chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty CP W phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 30.000.000 đồng theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 381/TB-TAPN ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 299, 320 và Điều 322 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q:**

- Buộc ông Công ty CP W phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 11.636.899.100 (*Mười một tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn một trăm*) đồng (Trong đó: Vốn: 4.642.000.000 đồng; lãi quá hạn: 198.455.764 đồng; lãi quá hạn: 6.796.443.336 đồng) theo các Hợp đồng vay số H.3404/1, Hợp đồng vay số H.3901/1, Hợp đồng vay số H.3902/1 và các Phụ lục hợp đồng số H.3404/1-PL01, Phụ lục hợp đồng số H.3404/1-PL02, Phụ lục hợp đồng số H.3404/1-PL03.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty CP W còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi suất mà Công ty CP W phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Q.

- Ngay sau khi Công ty CP W trả xong khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q có trách nhiệm trả lại cho Công ty CP W toàn bộ hàng hóa là thiết bị chuyên dụng ngành viễn thông, điện thoại Voip cùng với phần mềm, Licenses của Công ty CP W lưu tại kho Ngân hàng TMCP Q và trả Ông Trương Quốc T bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1319/2008/UB.GCN của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận cấp ngày 24/3/2008.

- Trong trường hợp Công ty CP W không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là căn nhà số 72/5 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0771/HĐTC ngày 28/10/2011 và tài sản cầm cố là hàng hóa là thiết bị chuyên dụng ngành viễn thông, điện thoại Voip cùng với phần mềm, Licenses theo Hợp đồng cầm cố động sản số 1914/CC ngày 13/10/2014 để thu hồi nợ.

**2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV U đồng ý dọn ra khỏi căn nhà 72/10 Đường T, Phường Y, quận O, Tp. Hồ Chí Minh trong trường hợp Ngân hàng TMCP Q xử lý tài sản thế chấp.**

**3. Về án phí:**

- Công ty CP W phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 119.636.899 (*Một trăm mười chín triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi chín*) đồng.

- Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.232.000 (*Năm mươi chín triệu hai trăm ba mươi hai nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0022049 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Chi phí tố tụng khác:** Công ty CP W phải hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng cho Ngân hàng TMCP Q.

**5. Về nghĩa vụ thi hành án:**

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6. Về quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Út**